

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số	0102004703	ngày 11 tháng 3 năm 2002
	0102004703, điều chỉnh lần 1	ngày 27 tháng 10 năm 2003
	0102004703, điều chỉnh lần 2	ngày 27 tháng 2 năm 2006
	0102004703, điều chỉnh lần 3	ngày 3 tháng 8 năm 2007
	0103018927	ngày 8 tháng 8 năm 2007
	0103018927, điều chỉnh lần 1	ngày 20 tháng 8 năm 2009
	0103018927, điều chỉnh lần 2	ngày 23 tháng 10 năm 2009
	0101217009, điều chỉnh lần 3	ngày 25 tháng 5 năm 2010
	0101217009, điều chỉnh lần 4	ngày 21 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	0101217009, điều chỉnh lần 5	ngày 4 tháng 11 năm 2010
	0101217009, điều chỉnh lần 6	ngày 4 tháng 3 năm 2011
	0101217009, điều chỉnh lần 7	ngày 16 tháng 3 năm 2011
	0101217009, điều chỉnh lần 8	ngày 21 tháng 6 năm 2011
	0101217009, điều chỉnh lần 9	ngày 7 tháng 11 năm 2011
	0101217009, điều chỉnh lần 10	ngày 3 tháng 5 năm 2012
	0101217009, điều chỉnh lần 11	ngày 1 tháng 8 năm 2012
	0101217009, điều chỉnh lần 12	ngày 11 tháng 4 năm 2013
	0101217009, điều chỉnh lần 13	ngày 30 tháng 5 năm 2013
	0101217009, điều chỉnh lần 14	ngày 13 tháng 9 năm 2013
	0101217009, điều chỉnh lần 15	ngày 15 tháng 11 năm 2013
	0101217009, điều chỉnh lần 16	ngày 24 tháng 1 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 17	ngày 11 tháng 3 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 18	ngày 20 tháng 5 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 19	ngày 15 tháng 7 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 20	ngày 18 tháng 8 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 21	ngày 3 tháng 9 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 22	ngày 14 tháng 10 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 23	ngày 29 tháng 10 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 24	ngày 26 tháng 11 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 25	ngày 18 tháng 12 năm 2014
	0101217009, điều chỉnh lần 26	ngày 8 tháng 1 năm 2015
	0101217009, điều chỉnh lần 27	ngày 5 tháng 3 năm 2015
	0101217009, điều chỉnh lần 28	ngày 29 tháng 5 năm 2015

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Địa điểm Kinh doanh

Mã số địa điểm kinh doanh 00010 ngày 15 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký trên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị

Trần Xuân Kiên
Đỗ Thị Thu Hương
Nghiêm Xuân Thắng
Đỗ Thị Kim Liên
Hoàng Anh Tuấn
Bùi Xuân Hùng
Okawa Yoshiteru

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

(từ ngày 4 tháng 4 năm 2015)

Noguchi Atsushi

Thành viên

(từ ngày 4 tháng 4 năm 2015)

Nukumori Hajime

Thành viên

(đến ngày 4 tháng 4 năm 2015)

Srisant Chitvaranund

Thành viên

(đến ngày 10 tháng 7 năm 2015)

Ban Giám đốc

Trần Xuân Kiên
Đỗ Thị Thu Hương
Nghiêm Xuân Thắng
Nguyễn Tín Nhiệm

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

1174 Đường Láng, Phường Láng Thượng
Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh

Chi nhánh Ninh Bình
1 Lê Hồng Phong, Phường Vân Giang
Thành phố Ninh Bình
Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chi nhánh Nam Định
107 Quốc lộ 10, Xã Lộc Hòa
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chi nhánh Bắc Ninh
33 Lý Thái Tổ, Phường Ninh Xá
Thành phố Bắc Ninh
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chi nhánh Phú Thọ
1606A Hùng Vương, Phường Gia Cẩm
Thành phố Việt Trì
Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Chi nhánh Nghệ An
343 Lê Duẩn, Phường Trung Đô
Thành phố Vinh
Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chi nhánh Hải Dương
Khu 15, Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão
Thành phố Hải Dương
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chi nhánh Hải Phòng
279 Trần Nguyên Hãn, Phường Nghĩa Xá
Quận Lê Chân
Thành Phố Hải Phòng, Việt Nam

Chi nhánh Bắc Giang
1 Hùng Vương, Phường Hoàng Văn Thụ
Thành Phố Bắc Giang
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo của Ban Giám đốc

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trong khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc thực hiện:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc


Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015



KPMG Limited

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến 35. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính. Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-02-075-R-2015



Dam Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		561.434.324.125	547.942.002.583
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	44.002.533.251	28.322.516.688
Tiền	111		19.102.995.397	24.322.516.688
Các khoản tương đương tiền	112		24.899.537.854	4.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.056.622.222	19.530.666.666
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	6.056.622.222	19.530.666.666
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.757.180.992	12.933.223.225
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		8.768.610.997	5.001.527.866
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.988.569.995	7.931.695.359
Hàng tồn kho	140	7	419.523.465.341	413.150.595.489
Hàng tồn kho	141		423.750.499.128	417.377.629.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.227.033.787)	(4.227.033.787)
Tài sản ngắn hạn khác	150		63.094.522.319	74.005.000.515
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	14.973.404.669	15.926.574.347
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	14(a)	27.977.371.656	32.640.784.823
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	14(a)	-	2.636.551.905
Tài sản ngắn hạn khác	155	8	20.143.745.994	22.801.089.440

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		121.876.152.911	119.990.914.912
Tài sản cố định	220		50.678.860.579	37.126.001.809
Tài sản cố định hữu hình	221	9	48.791.026.162	34.723.303.462
Nguyên giá	222		67.589.526.272	49.593.883.366
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.798.500.110)	(14.870.579.904)
Tài sản cố định vô hình	227	10	1.887.834.417	2.402.698.347
Nguyên giá	228		3.697.724.981	3.937.215.598
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.809.890.564)	(1.534.517.251)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.737.738.159	13.226.157.706
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	10.737.738.159	13.226.157.706
Tài sản dài hạn khác	260		60.459.554.173	69.638.755.397
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	20.742.829.029	17.589.947.632
Tài sản dài hạn khác	268	13	39.716.725.144	52.048.807.765
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		683.310.477.036	667.932.917.495

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		399.709.839.710	394.949.872.705
Nợ ngắn hạn	310		399.709.839.710	394.949.872.705
Phải trả người bán ngắn hạn	311		229.075.215.777	223.897.274.910
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.568.938.209	4.684.882.322
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	378.566.486	5.296.000
Phải trả người lao động	314		10.260.265.519	8.979.642.679
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	8.894.701.445	11.653.394.497
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	24.491.176.283	21.274.630.407
Vay ngắn hạn	320	17	120.985.247.380	124.379.123.279
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	55.728.611	75.628.611
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		283.600.637.326	272.983.044.790
Vốn chủ sở hữu	410	19	283.600.637.326	272.983.044.790
Vốn góp cổ phần	411	20	178.584.370.000	178.584.370.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		178.584.370.000	178.584.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	77.861.617.144	77.861.617.144
Cổ phiếu quỹ	415	20	(2.183.755.096)	(2.183.755.096)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	10.082.930.218	10.082.930.218
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.255.475.060	8.637.882.524
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		8.637.882.524	4.697.230.995
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		10.617.592.536	3.940.651.529
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		683.310.477.036	667.932.917.495

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đỗ Ngọc Anh
Phó trưởng phòng kế toán

Người duyệt:





Phan Quang Trường
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Doanh thu bán hàng	01	23	1.695.623.328.872	1.181.158.964.585
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	22.864.201.456	13.508.508.139
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	23	1.672.759.127.416	1.167.650.456.446
Giá vốn hàng bán	11		1.500.870.126.152	1.050.612.288.474
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		171.889.001.264	117.038.167.972
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	976.920.450	1.644.978.626
Chi phí tài chính	22		2.704.700.271	527.575.627
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.704.700.271	527.575.627
Chi phí bán hàng	25	25	139.748.663.721	101.465.813.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	20.158.441.123	10.859.100.995
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.254.116.599	5.830.656.919
Thu nhập khác	31	27	6.704.351.417	311.788.323
Chi phí khác	32	28	3.325.757.089	131.807.271
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.378.594.328	179.981.052

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.632.710.927	6.010.637.971
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.015.118.391	1.322.340.273
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		10.617.592.536	4.688.297.698
Lãi trên cổ phiếu		31		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		597	263

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đỗ Ngọc Anh
Phó trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng	01		1.836.239.211.075	1.276.240.980.478
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.752.901.932.581)	(1.272.907.572.232)
Tiền chi trả người lao động	03		(59.410.725.631)	(39.991.605.074)
Tiền lãi vay đã trả	04		(2.739.945.725)	(729.482.223)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(327.349.993)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		14.085.778.262	5.998.291.692
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12.399.538.111)	(7.979.161.619)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.872.847.289	(39.695.898.971)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20.974.745.974)	(13.237.581.288)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		2.604.970.030	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	23		(6.114.082.406)	(6.000.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn với thời hạn trên 3 tháng	26		19.588.126.850	9.000.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		1.096.776.673	1.668.911.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.798.954.827)	(8.568.670.037)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	31		-	30.103.766.947
Tiền thu từ đi vay	33		226.507.094.302	110.548.705.508
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(229.900.970.201)	(140.358.417.839)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.393.875.899)	294.054.616
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		15.680.016.563	(47.970.514.392)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		28.322.516.688	70.020.382.751
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	5	44.002.533.251	22.049.868.359

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đỗ Ngọc Anh
 Phó trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Phan Quang Trường
 Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 8 chi nhánh và 1.602 nhân viên (1/1/2015: 7 chi nhánh và 1.655 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a));
- Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(q)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 10 năm
▪ nâng cấp sửa chữa siêu thị	3 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp dịch vụ bảo hành thiết bị tin học, điện tử, gia dụng và viễn thông, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Tiền mặt	7.955.054.334	8.535.567.915
Tiền gửi ngân hàng	8.536.223.431	13.262.577.615
Tiền đang chuyển	2.611.717.632	2.524.371.158
Các khoản tương đương tiền	24.899.537.854	4.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	44.002.533.251	28.322.516.688

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm 7.500 triệu VND bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo đảm cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 17) và các điều khoản bảo lãnh ký với nhà cung cấp của Công ty (1/1/2015: 4.000 triệu VND).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn từ 90 đến 365 ngày. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, không có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nào bị hạn chế sử dụng theo các điều khoản bảo lãnh với nhà cung cấp của Công ty (1/1/2015: 13.500 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Hàng tồn kho

	30/6/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	381.330.076	-	468.766.121	-
Thành phẩm	1.773.523.969	(2.847.118)	2.880.763.461	(2.847.118)
Hàng hóa	421.595.645.083	(4.224.186.669)	414.028.099.694	(4.224.186.669)
	<u>423.750.499.128</u>	<u>(4.227.033.787)</u>	<u>417.377.629.276</u>	<u>(4.227.033.787)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có 78.132 triệu VND thành phẩm và hàng hóa (1/1/2015: 76.792 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chiết khấu mua hàng phải thu từ nhà cung cấp	14.835.643.074	19.018.590.799
Tài sản ngắn hạn khác	5.308.102.920	3.782.498.641
	<u>20.143.745.994</u>	<u>22.801.089.440</u>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp sửa chữa siêu thị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	16.100.225.061	2.851.690.616	13.676.677.716	16.965.289.973	49.593.883.366
Tăng trong kỳ	771.939.880	-	-	1.550.286.625	2.322.226.505
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.726.032.489	1.460.654.528	-	10.856.450.039	20.043.137.056
Thanh lý	(3.970.662.738)	-	-	(231.936.579)	(4.202.599.317)
Xóa sổ	-	(123.631.527)	-	(43.489.811)	(167.121.338)
Số dư cuối kỳ	20.627.534.692	4.188.713.617	13.676.677.716	29.096.600.247	67.589.526.272
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.836.420.153	1.552.750.052	3.383.338.275	6.098.071.424	14.870.579.904
Khấu hao trong kỳ	1.717.206.942	338.153.110	935.504.862	2.300.523.279	5.291.388.193
Thanh lý	(1.115.874.602)	-	-	(80.472.047)	(1.196.346.649)
Xóa sổ	-	(123.631.527)	-	(43.489.811)	(167.121.338)
Số dư cuối kỳ	4.437.752.493	1.767.271.635	4.318.843.137	8.274.632.845	18.798.500.110
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	12.263.804.908	1.298.940.564	10.293.339.441	10.867.218.549	34.723.303.462
Số dư cuối kỳ	16.189.782.199	2.421.441.982	9.357.834.579	20.821.967.402	48.791.026.162

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 4.371 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 3.209 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	3.937.215.598
Xóa sổ	(239.490.617)
Số dư cuối kỳ	3.697.724.981
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.534.517.251
Khấu hao trong kỳ	514.863.930
Xóa sổ	(239.490.617)
Số dư cuối kỳ	1.809.890.564
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.402.698.347
Số dư cuối kỳ	1.887.834.417

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 608 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (1/1/2015: 848 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	13.226.157.706	11.176.476.348
Tăng trong kỳ/năm	22.203.072.083	30.782.884.938
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.043.137.056)	(20.760.365.409)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(3.089.183.588)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.040.990.132)	(4.154.229.632)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(607.364.442)	(519.424.951)
Xóa sổ	-	(210.000.000)
Số dư cuối kỳ/năm	10.737.738.159	13.226.157.706

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Sửa chữa nâng cấp siêu thị	9.008.682.159	12.247.263.706
Chi phí phát triển phần mềm	1.729.056.000	978.894.000
	<hr/>	<hr/>
	10.737.738.159	13.226.157.706
	<hr/>	<hr/>

12. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	894.345.366	902.393.086
Chi phí trả trước tiền thuê siêu thị	11.394.147.827	12.954.627.759
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.684.911.476	2.069.553.502
	<hr/>	<hr/>
	14.973.404.669	15.926.574.347
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	15.377.853.111	2.212.094.521	17.589.947.632
Tăng trong kỳ	4.481.767.777	5.353.740.886	9.835.508.663
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.188.878.974	1.852.111.158	4.040.990.132
Phân bổ trong kỳ	(5.968.102.656)	(2.367.953.671)	(8.336.056.327)
Thanh lý	(1.687.753.663)	(699.807.408)	(2.387.561.071)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	14.392.643.543	6.350.185.486	20.742.829.029
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

13. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác bao gồm các khoản đặt cọc thuê các siêu thị của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Bù trừ với số phải nộp VND	Bù trừ với Thuế giá trị gia tăng phải nộp VND	Số đã được hoàn lại trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.636.551.905	-	(2.636.551.905)	-	-	-
Thuế giá trị gia tăng	32.640.784.823	255.849.852.393	-	(260.513.265.560)	-	27.977.371.656
	35.277.336.728	255.849.852.393	(2.636.551.905)	(260.513.265.560)	-	27.977.371.656

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Bù trừ với số phải thu VND	Bù trừ với Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2015 VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	-	(260.513.265.560)	-	260.513.265.560	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.015.118.391	(2.636.551.905)	-	-	378.566.486
Thuế thu nhập cá nhân	5.296.000	1.537.350.021	-	-	(1.542.646.021)	-
	5.296.000	(255.960.797.148)	(2.636.551.905)	260.513.265.560	(1.542.646.021)	378.566.486

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Trích trước tiền điện	1.813.933.133	1.349.627.434
Trích trước chi phí thuê địa điểm	773.181.818	7.225.232.726
Trích trước phạt do vi phạm hợp đồng	3.000.000.000	-
Trích trước chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.498.639.324	2.277.705.673
Các khoản trích trước khác	1.808.947.170	800.828.664
	8.894.701.445	11.653.394.497

16. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	1/1/2015 VND
Cổ tức phải trả	17.857.260.577	17.857.260.577
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.241.300.000	3.123.336.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.392.615.706	294.033.830
	24.491.176.283	21.274.630.407

17. Vay ngắn hạn

	1/1/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2015 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	124.379.123.279	226.507.094.302	(229.900.970.201)	120.985.247.380

Đây là khoản vay từ ngân hàng với lãi suất từ 4,8% tới 6,6% một năm (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 5,8% một năm) và được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn (trong các khoản tương đương tiền) (Thuyết minh 5).

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2014 VND
Số dư đầu kỳ/năm	75.628.611	1.353.298.335
Sử dụng trong kỳ/năm	(19.900.000)	(1.277.669.724)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>55.728.611</u>	<u>75.628.611</u>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2014	130.515.960.000	102.094.299.657	(2.113.755.096)	424.368.000	9.658.562.218	48.462.451.995	289.041.886.774
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	4.688.297.698	4.688.297.698
Cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần	22.085.110.000	(22.085.110.000)	-	-	-	-	-
Cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức	25.983.300.000	-	-	-	-	(25.983.300.000)	-
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(2.092.572.513)	-	-	-	-	(2.092.572.513)
Số dư tại ngày 30/6/2014	178.584.370.000	77.916.617.144	(2.113.755.096)	424.368.000	9.658.562.218	27.167.449.693	291.637.611.959
Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã phân loại lại	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	10.082.930.218	-	8.637.882.524	272.983.044.790
<i>Số dư tại ngày 1/1/2015 – đã báo cáo trước đây</i>	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	424.368.000	9.658.562.218	8.637.882.524	272.983.044.790
<i>Ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 (Thuyết minh 34)</i>	-	-	-	9.658.562.218	(9.658.562.218)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	10.617.592.536	10.617.592.536
Số dư tại ngày 30/6/2015	178.584.370.000	77.861.617.144	(2.183.755.096)	10.082.930.218	-	19.255.475.060	283.600.637.326

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	17.858.437	178.584.370.000	17.858.437	178.584.370.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.858.437	178.584.370.000	17.858.437	178.584.370.000
	17.858.437	178.584.370.000	17.858.437	178.584.370.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(76.516)	(765.160.000)	(76.516)	(765.160.000)
	(76.516)	(765.160.000)	(76.516)	(765.160.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	17.781.921	177.819.210.000	17.781.921	177.819.210.000
	17.781.921	177.819.210.000	17.781.921	177.819.210.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2015	1/1/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	85.737.881.739	87.337.099.775
Trong vòng hai đến năm năm	294.423.469.570	321.133.962.472
Sau năm năm	276.258.197.898	302.173.981.142
	<hr/>	<hr/>
	656.419.549.207	710.645.043.389
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.826	39.722.561	1.315	27.984.120
	<hr/>		<hr/>	

23. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi	976.920.450	1.644.978.626
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	57.148.420.699	35.851.271.463
Chi phí khấu hao	4.946.311.913	3.412.474.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.359.905.478	52.704.309.618
Chi phí bán hàng khác	10.294.025.631	9.497.757.437
	<hr/>	<hr/>
	139.748.663.721	101.465.813.057
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	15.439.848.491	8.644.622.647
Chi phí khấu hao	859.940.210	584.494.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.289.299.899	1.407.088.011
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	569.352.523	222.895.999
	<hr/>	<hr/>
	20.158.441.123	10.859.100.995
	<hr/>	<hr/>

27. Thu nhập khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	209.242.324	-
Lãi do thanh lý tài sản khác	2.568.822.706	-
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	3.481.756.296	-
Các khoản khác	444.530.091	311.788.323
	<hr/>	<hr/>
	6.704.351.417	311.788.323
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí khác

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định và chi phí thanh lý	249.249.510	-
Các khoản bị phạt	3.000.000.000	-
Các khoản khác	76.507.579	131.807.271
	<hr/>	<hr/>
	3.325.757.089	131.807.271
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	1.500.870.126.152	1.050.612.288.474
Chi phí nhân công	72.588.269.190	44.495.894.110
Chi phí khấu hao	5.806.252.123	3.996.968.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.649.205.377	54.111.397.629
Chi phí khác	10.863.378.154	9.720.653.436
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.015.118.391	1.322.340.273

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.632.710.927	6.010.637.971
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.999.196.404	1.322.340.273
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.921.987	-
	3.015.118.391	1.322.340.273

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế cho các năm 2014, 2015 và mức thuế suất này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 10.617.592.536 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 4.688.297.698 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 17.781.921 cổ phiếu (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 17.798.662 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	10.617.592.536	4.688.297.698
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	10.617.592.536	4.688.297.698

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2015 Số cổ phiếu	30/6/2014 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	17.781.921	12.991.821
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành từ thặng dư vốn cổ phần trong kỳ	-	2.208.511
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành để trả cổ tức trong kỳ	-	2.598.330
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	17.781.921	17.798.662

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các cổ đông		
Trần Xuân Kiên		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	5.006.210.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	5.889.660.000
Đỗ Thị Thu Hương		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	4.726.780.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	5.560.920.000
Công ty TNHH Quỹ Aureos Đông Nam Á		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	4.602.480.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	5.414.680.000
Nojima Corporation		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	2.218.770.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	2.610.320.000
Hoàng Anh Tuấn		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	462.060.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	543.600.000
Nghiêm Xuân Thắng		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	170.000.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	200.000.000
Bùi Xuân Hùng		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	136.330.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	160.390.000
Đỗ Thị Kim Liên		
Cổ phiếu thưởng (phát hành từ thặng dư vốn cổ phần)	-	989.360.000
Cổ tức trả dưới hình thức cổ phiếu	-	1.163.960.000
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc		
Thù lao đã trả	3.000.111.941	1.814.813.737

Công ty Cổ phần Thế giới số Trần Anh
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ phiếu thưởng công bố sau khi kết thúc kỳ

Ngày 15 tháng 7 năm 2015, theo Nghị quyết số 06/2015/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận ngày 4 tháng 4 năm 2015, với tỷ lệ 100:27, từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu. Thời gian dự kiến phát hành được thực hiện trong quý III năm 2015.

34. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính giữa niên độ có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại)	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây)
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.530.666.666	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	-	19.530.666.666
Quỹ đầu tư phát triển	10.082.930.218	424.368.000
Quỹ dự phòng tài chính	-	9.658.562.218

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập:



Đỗ Ngọc Anh
Phó trưởng phòng kế toán

Người duyệt:



Phan Quang Trường
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc